

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2025

V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M. TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Phương và ông Lý A Náng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Đà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M. tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M. tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lý A Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M. tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc: Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Bản M, xã D, huyện M. tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Mùa A R, sinh năm 1973; Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã D, huyện M. tỉnh Yên Bái; Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái; Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Thảo A Dờ; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn Mù Cang Chải, huyện M. tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị Giàng Thị D trình bày:

Chị và anh Mùa A R chung sống như vợ chồng từ năm 1992 trên tinh thần tự nguyện, đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Chung sống được một thời gian

thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh R sử dụng chất ma túy, lấy tài sản trong nhà đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải, động viên nhưng anh R vẫn không thay đổi, nay anh R đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Do đó chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Mùa A R.

- Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Mùa A R bày:

Anh R thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân như chị D đã trình bày. Nay chị D đề nghị được ly hôn, anh R cũng nhận thấy mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được nên cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị D.

2. Về con chung:

Cả chị D và anh R đều thống nhất, trong thời gian chung sống có với nhau 04 con chung:

- Mùa Thị Ca - Sinh năm 2000
- Mùa Thị Ninh - Sinh năm 2004
- Mùa A Hờ - Sinh ngày 03/01/2008
- Mùa A Màng - Sinh ngày 13/8/2009

Nay cháu Ca và Ninh đã trên 18 tuổi, xây dựng gia đình nên chị D và anh R không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Màng đang ở cùng với bố mẹ tại nơi cư trú; cháu Hờ hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo bản án hình sự số 16/2024/HS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải với mức án 05 năm tù, kể từ ngày 29/02/2024.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2025 chị D và anh R đã thống nhất, sau khi ly hôn anh R sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hờ và cháu Màng. Chị D không phải cấp dưỡng.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Mùa A Màng ngày 03/03/2025 thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu Màng có nguyện vọng ở cùng với bố.

Tại phiên tòa chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, vì anh R đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, thăm hỏi, động viên. Nếu sau này anh R chấp hành xong, mà có nguyện vọng thì mới thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

3. Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có yêu cầu gì về tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Trong quá trình tố tụng cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Tại biên bản xác minh ngày 25/3/2025 tại UBND xã Mồ Dề thể hiện: Chị D và anh R có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị D và anh R đã trình bày; cả chị D và anh R đều không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng và làm nương. Hiện anh R đang đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái; Cháu Mùa A Hờ đang đi chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo bản án hình sự số 16/2024/HS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải với mức án 05 năm tù, kể từ ngày 29/02/2024.

6. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình giải quyết các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị D và anh Mùa A R là vợ chồng.

+ Anh Mùa A R đang đi cai nghiện bắt buộc không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Hờ và cháu Màng cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho đương sự theo quy định.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản M, xã D, huyện Mĩnh Yên Bái và quan hệ pháp luật tranh chấp là không công nhận là vợ chồng. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống với nhau chị D và anh R có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh R là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận chị Giàng Thị D và anh Mùa A R là vợ chồng.

[3]. Về con chung:

Hội đồng xét xử nhận thấy anh Mùa A R hiện đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, do đó việc giao con cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt cũng như việc tham nom, chăm sóc nuôi dưỡng các con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hờ và cháu Màng, khi nào anh R chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, anh R có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng thì có thể làm đơn đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, khi đó Tòa án mới xem xét sau.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về việc không lấy ý kiến của cháu Mùa A Hờ: Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Mùa A Hờ tính từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử mặc dù cháu Hờ mới được hơn 17 tuổi (Chưa được 01 năm thì đủ 18 tuổi) nhưng đang chấp hành với mức hình phạt còn hơn 3 năm tù, còn anh R đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính ở Cơ sở Cai nghiện Ma túy. Do vậy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu Hờ là có cơ sở, mà chỉ cần giao cháu Hờ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, thăm nom là phù hợp.

[6]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị D là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho chị D.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị D và anh Mùa A R là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cho chị Giàng Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mùa A Hờ, sinh ngày 03/01/2008 và cháu Mùa A Màng, sinh ngày 13/8/2009 cho đến khi cháu Hờ và cháu Màng đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Mùa A R không phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Giàng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Mùa A R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Mô Dê;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý A Hờ